DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ
Vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai
(Tập 1)

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH ĐỒNG NAI
TS. Nguyễn Hồng Ân (Chủ biên)

Di sản
VĂN HÓA PHI VẬT THỂ
vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai
(Tập 1)

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Chủ biên

TS. Nguyễn Hồng Ân

Ban Biên soạn

TS. Nguyễn Hồng Ân
TS. Lê Xuân Hậu
ThS. Trần Minh Trí
ThS. Nguyễn Anh Đức
CN. Nguyễn Thị Tuyết Hồng
CN. Nguyễn Xuân Nam

Lời giới thiệu

Đồng Nai là tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, khu vực có cơ sở hạ tầng phát triển và thuộc vùng kinh tế năng động nhất Việt Nam. Phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận, Đông Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Bắc giáp tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước, phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tọa độ địa lý từ 10°29'58" đến 11°34'57" vĩ độ Bắc, từ 106°43'56" đến 107°36'46" kinh độ Đông; có diện tích tự nhiên 5.863,62 km^2, chiếm khoảng 1,77% diện tích cả nước; dân số khoảng 3,2 triệu người(1), chiếm khoảng 3,2% dân số cả nước. Tính đến năm 2025, tỉnh có 11 đơn vị hành chính cấp huyện gồm: Thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện: Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Vĩnh Cửu; 159 đơn vị cấp xã. Thành phố Biên Hòa là trung tâm hành chính của tỉnh.

Đồng Nai là tỉnh đa dân tộc với 50 tộc người như: Kinh, Hoa, Chơ Ro, Xtiêng, Mạ, Cơ Ho, Chăm, Khmer, Tày, Nùng..., trong đó người Kinh chiếm 92,8%. Các tộc người như: Chơ Ro, Mạ, Xtiêng, Cơ Ho là chủ nhân vùng đất Đông Nam Bộ từ rất lâu đời. Người Xtiêng ở phía Tây Bắc Đồng Nai, nhưng địa bàn cư trú tập trung nhiều nhất ở tỉnh Bình Phước (thuộc Tây Bắc tỉnh Biên Hòa xưa); một số mới về ở huyện Xuân Lộc từ những năm 1970. Người Mạ và Cơ Ho ở từ phía Bắc sông La Ngà trở lên Lâm Đồng. Người Chơ Ro ở rìa phía Nam dãy Trường Sơn - Tây Nguyên tiếp giáp với đồng bằng Nam Bộ. Các tộc

(1) Thống kê Cục Thống kê Đồng Nai 2021.

người thiểu số khác xuất hiện vào các thời điểm khác nhau do những biến thiên của lịch sử. Người Chăm và người Khmer đến Đồng Nai từ những thế kỷ đầu Công nguyên; nhưng số người Khmer hiện ở Đồng Nai có gốc từ miền Tây Nam Bộ, Tây Ninh, Bình Phước dạt về từ năm 1960-1970 và số người Chăm tập trung ở Xuân Lộc và Long Thành thì mới tới từ năm 1972. Người Hoa có mặt hơn 300 năm, sử sách còn ghi chép rõ. Các tộc người: Tày, Nùng, Thái, Mường... đến cư trú từ sau hiệp định Genève tháng 7/1954 và đến đông đảo từ sau ngày đất nước thống nhất.

Đồng Nai là tỉnh đa tôn giáo, có 6 tôn giáo: Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo và Ixlam (Hồi giáo), trong đó Phật giáo và Thiên Chúa giáo là hai tôn giáo có tín đồ đông nhất ở tỉnh. Ngoài 6 tôn giáo trên, Nhân dân Đồng Nai còn có tín ngưỡng thờ cúng ông bà tổ tiên, tôn thờ những vị thần có công khai phá lập làng xã, có công với đất nước và được thờ ở các đình làng.

Đồng Nai là tỉnh đa nguồn dân cư, phát triển theo cả hai hướng tự nhiên và cơ học, trong đó tính từ năm 1698 đến nay có bảy đợt nhập cư lớn đó là: (1) Cuộc di dân các tỉnh miền Trung (vùng Ngũ Quảng) vào khẩn hoang từ thời kỳ các chúa Nguyễn, vua Nguyễn. (2) Các đợt mộ phu cao su là dân các tỉnh miền Bắc và miền Trung của các công ty cao su trên đất Đồng Nai. (3) Đợt đồng bào các tỉnh miền Bắc di cư vào Nam sau hiệp định Genève năm 1954. (4) Đợt đón nhận đồng bào người Việt ở Campuchia về nước sau tháng 3/1970, khi có biến động chính trị Shihanouk bị Lonnol lật đổ. (5) Đợt chính quyền Sài Gòn đưa đồng bào ở Lộc Ninh năm 1972, sau khi Lộc Ninh giải phóng và xây dựng chi khu lưu vong Lộc Ninh trên quốc lộ 1. (6) Tiếp nhận Nhân dân ở Biên Hòa, Sài Gòn đi xây dựng vùng kinh tế mới sau ngày 30/4/1975, bố trí ở khu vực huyện Định Quán, Sông Ray (huyện Cẩm Mỹ). (7) Cuộc vận động đưa dân các tỉnh phía Bắc đi lập nghiệp xây dựng quê hương mới và làm công nhân ở các khu công nghiệp. Mỗi đợt di dân lớn làm cho dân số Đồng Nai tăng đột xuất.

Đồng Nai là một tỉnh có quy mô lớn, văn hóa đa dạng, có địa kinh tế - chính trị - văn hóa trong vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với những giá trị riêng biệt về vùng đất, con

người Đồng Nai, phong phú về sinh học, đa nguồn văn hóa, đa thành phần hợp cư, nhiều tín ngưỡng tôn giáo, dòng mạch văn hóa, đa loại hình phát triển kinh tế và tổ chức xã hội; có nhiều cơ hội để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, con người, góp phần phát triển du lịch của tỉnh thành ngành kinh tế quan trọng; trong đó có *Di sản văn hóa phi vật thể là tri thức, kỹ năng, tập quán, biểu đạt văn hóa cùng đồ vật, đồ tạo tác, không gian liên quan được cộng đồng, nhóm người, cá nhân thực hành, trao truyền qua nhiều thế hệ và hình thành nên bản sắc văn hóa của họ, không ngừng được trao truyền, bảo vệ, tái tạo, sáng tạo, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học* (Luật Di sản Văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23/11/2024 của Quốc hội) đã được kiểm kê, nhận diện, xác định giá trị, đánh giá hiện trạng, nguy cơ hủy hoại, xác lập cơ sở pháp lý và lập danh mục, hồ sơ khoa học di sản văn hóa.

Kết quả kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2015 ghi nhận 11.561 phiếu kiểm kê thuộc 6 loại hình Di sản văn hóa phi vật thể gồm: (1) Biểu đạt và truyền thống truyền khẩu gồm các hình thức thể hiện thông tin bằng ngôn ngữ, tiếng nói, chữ viết, ký tự và ngữ văn dân gian; (2) Nghệ thuật trình diễn dân gian gồm âm nhạc, múa, hát, sân khấu truyền thống và các hình thức trình diễn dân gian khác; (3) Tập quán xã hội và tín ngưỡng gồm các thực hành thường xuyên, ổn định, thể hiện quan niệm, niềm tin của cộng đồng, thông qua các lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống mang bản sắc văn hóa của cộng đồng chủ thể; (4) Lễ hội truyền thống gồm các thực hành nghi lễ và sinh hoạt văn hóa dân gian của cộng đồng, được thực hiện theo chu kỳ tại không gian văn hóa liên quan; (5) Tri thức dân gian gồm tri thức về tự nhiên và vũ trụ, sức khỏe và đời sống con người, lao động, sản xuất, phòng bệnh, chữa bệnh, ẩm thực, trang phục và các tri thức dân gian khác; (6) Nghề thủ công truyền thống gồm các thực hành thủ công bằng tri thức, kỹ năng, kỹ thuật, bí quyết, nghệ thuật cùng với công cụ, đồ vật, đồ tạo tác, nguyên vật liệu tự nhiên, tạo ra các sản phẩm mang bản sắc văn hóa của cộng đồng chủ thể.

Đến nay, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ, Nghi lễ và trò chơi kéo co là di sản văn hóa phi vật thể được

Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) ghi danh vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại. Lễ hội chùa Ông thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi danh vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Lễ hội Sayangva của người Chơ Ro ở Đồng Nai; Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh (phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai); Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư (phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) đang trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét ghi danh.

Cuốn sách *Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai (Tập 1)* được biên soạn công phu, giới thiệu một cách khoa học, đầy đủ nhất về tư liệu và hình ảnh của các di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai đã được ghi danh và đang trong quá trình xem xét ghi danh, bao gồm:

1. Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ ở Đồng Nai;

2. Nghi lễ và trò chơi kéo co ở Đồng Nai;

3. Lễ hội chùa Ông (phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

4. Lễ hội Sayangva (cúng thần Lúa) của người Chơ Ro ở Đồng Nai;

5. Lễ giỗ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh (phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai);

6. Lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư (phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

Cuốn sách xuất bản là công trình chào mừng Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XII (nhiệm kỳ 2025-2030) và thật sự ý nghĩa khi góp phần triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 30/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI) về phát triển Du lịch thành ngành kinh tế quan trọng và Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI) về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, con người Đồng Nai trở thành nguồn lực, động lực quan trọng cho phát triển toàn diện và

bền vững; trong đó mục tiêu xây dựng văn hóa, con người Đồng Nai phát triển toàn diện; bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể), tái hiện, tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa, sản phẩm du lịch đặc trưng có chất lượng cao mang đậm bản sắc văn hóa Đồng Nai, phù hợp với xu thế thời đại là nội nền tảng văn hóa quan trọng góp phần để Đồng Nai vững vàng bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Cuốn sách *Di sản văn hóa phi vật thể vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai (Tập 1)* là nguồn tài liệu quan trọng để nghiên cứu, học tập đối với các thế hệ học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh và đội ngũ công chức, viên chức được giao nhiệm vụ tham mưu quản lý di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nói riêng và khu vực Nam Bộ nói chung. Từ vốn di sản văn hóa phi vật thể quý báu này có thể hoạch định, xây dựng những chiến lược, đề án, kế hoạch nhằm bảo tồn, phát huy giá trị di sản (vật thể gắn liền với phi vật thể), biến vốn văn hóa truyền thống này thành vốn kinh tế quan trọng, nền tảng vững chắc để phát triển kinh tế thông qua hoạt động du lịch văn hóa, du lịch tín ngưỡng… góp phần đưa Đồng Nai và Nam Bộ bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc xây dựng vùng đất này ngày càng phồn vinh.

Tuy nhiên, tri thức là vô hạn, vì vậy cuốn sách cũng không thể không có những thiếu sót, kính mong nhận được sự góp ý chân thành và trách nhiệm từ đọc giả để nhóm biên soạn bổ sung và hoàn thiện.

Thay mặt Ban biên soạn, xin trân trọng giới thiệu quyển sách đến với đọc giả!

TS. NGUYỄN HỒNG ÂN

(Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai)

NGHỆ THUẬT ĐỜN CA TÀI TỬ NAM BỘ Ở ĐỒNG NAI

Đờn ca tài tử Nam Bộ là một dòng nhạc dân tộc của Việt Nam đã hình thành và phát triển từ cuối thế kỷ 19, bắt nguồn từ nhạc lễ và Nhã nhạc cung đình Huế. Đờn ca tài tử là loại hình nghệ thuật dân gian đặc trưng của vùng Nam Bộ.

Đờn ca tài tử ra đời trong bối cảnh thực dân Pháp chiếm lục tỉnh Nam Kỳ, trước cảnh nước mất nhà tan, triều đình hèn yếu, các phong trào kháng chiến gặp thất bại và bị đàn áp dã man. Những sĩ phu chán ngán thế sự, lui về ở ẩn, tìm quên trong những câu ca, tiếng đàn. Họ tụ tập nhau lại chia sẻ nỗi buồn mất nước và mượn lời ca tiếng hát, bản đờn để nói hộ lòng mình. Những sĩ phu này chính là nền tảng để đờn ca tài tử hình thành và phát triển. Cũng chính vì điều này mà đờn ca tài tử Nam Bộ luôn đượm chất tri âm, tri kỷ, mang tính thính phòng và bác học.

Đờn ca tài tử vào Nam từ cuối thế kỷ XIX bởi 3 nhạc sư là: Nguyễn Quang Đại (Ba Đợi - Nhạc quan triều đình nhà Nguyễn), Trần Quang Quờn (thầy ký Quờn) và Lê Tài Khị (Nhạc Khị) sáng tạo nên. Đầu tiên ba nhạc sư sáng tạo nghệ thuật này chỉ để phục vụ việc giải trí nghe chơi với nhau trong một cộng đồng nhỏ. Sau đó, nghệ thuật này ngày càng lan rộng và thu hút thêm nhiều đối tượng khác tham gia hơn. Từ loại hình âm nhạc có tính chất bác học, tri âm, tri kỷ và thính phòng này, Đờn ca tài tử bước vào đời sống và trở thành một loại hình nghệ thuật dân gian. Nó dần trở nên quen thuộc với mọi người dân Nam Bộ. Nói không có gì là khoa trương khi có thể khẳng định mọi người

dân Nam Bộ đều có thể hát vài câu đờn ca tài tử dù không biết đến chữ nhạc hay nhịp phách một cách tận tường.

Tuy nhiên, do quá trình toàn cầu hóa và chuyển đổi cơ cấu xã hội, cùng với những điều kiện của công cuộc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã làm nảy sinh những hiện tượng, những mối đe dọa về sự suy thoái, biến mất và hủy hoại các di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt là do thiếu nguồn lực, hệ thống chính sách dành cho việc bảo vệ và phát huy loại hình Nghệ thuật Đờn ca tài tử trên địa bàn Nam Bộ nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng.

1. Vài nét về lịch sử Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ

1.1. Lịch sử Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ

Vấn đề lịch sử của Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ đã được nhiều nhà nghiên cứu khẳng định Đờn ca tài tử Nam Bộ đã hình thành và phát triển từ cuối thế kỉ XIX. Trong bài viết *Nghệ thuật Đờn ca tài tử trong không gian văn hóa Nam Bộ*[1], Giáo sư nhạc sĩ Trần Văn Khê có viết: "Đờn ca tài tử hình thành vào cuối thể kỷ XIX đầu thế kỷ XX, xuất phát từ những nhạc sĩ, nhạc quan của triều Nguyễn theo phong trào Cần Vương vào Nam đem theo truyền thống ca Huế. Trên đường đi họ dừng chân ở Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, từ đó ca Huế mang thêm chút âm hưởng xứ Quảng. Vào đến miền Nam, Đờn ca tài tử không còn giữ nguyên chất ca Huế mà thay đổi rất nhiều để thích nghi theo thị hiếu, thẩm mỹ phù hợp với nếp sống mới. Những con người tháo vát, đầy sáng tạo tuy đã tìm thấy một cuộc sống an lành khi đến với vùng đất màu mỡ, nhưng do lòng luôn thương nhớ cội nguồn nên trong các điệu, các hơi của Đờn ca tài tử thường thích những điệu có phảng phất nỗi u buồn. Trong khi phong cách miền Trung vẫn giữ theo truyền thống một cách chặt chẽ thì ở miền Nam lại phóng khoáng và bay bướm, nét nhạc cũng như tiết

(1) http://tranquanghai.info/p1611-tran-van-khe-%3A-don-ca-tai-tu-trong-khong-gian-van-hoa-nam-bo.html

tấu thay đổi tùy lúc, tuỳ người. Có người hiểu lầm rằng chữ "tài tử" có nghĩa là không chuyên nghiệp, mang tính cách giản dị của dân gian và của những người nghiệp dư. Thật ra "tài tử" có nghĩa là người có tài (dập dìu tài tử giai nhân; tài tử giai nhân tế ngộ nan). Chữ "tài tử" còn để chỉ việc không dùng nghệ thuật của mình làm kế sinh nhai. Người Đờn ca tài tử khi nào thích thì cùng với bạn đồng điệu họp nhau tại nhà người trong làng rồi cùng hòa đàn để vui chơi và để cho người mộ điệu thưởng thức. Trước đây cũng như bây giờ, người đàn tài tử "chính thống" hễ vui thì đàn chơi còn không "hứng" thì thôi, khó ai có thể bỏ tiền ra mua được tiếng đàn của họ".

Cũng theo Vương Hồng Sển trong tác phẩm *Hồi ký 50 năm mê hát* thì vào thế kỷ XIX, ở Nam Bộ chỉ có dàn nhạc lễ trong dân gian gọi là dàn Ngũ Âm. Dàn nhạc lễ gồm hai nhóm nhạc gọi là "Phe Văn" và "Phe Võ". Phe Văn dàn nhạc lễ lúc bấy giờ gồm 4 đàn cò (cò líu, cò lòn, cò dương và đàn gáo) và trống lễ. Từ phe Văn - ban nhạc lễ của các thầy tụng, thấy tế trong các đám tang, trong dịp qua đêm, những nhạc sĩ đã cùng nhau hình thành một "dàn đờn", họ cùng hòa đờn, hòa ca… để "đánh cơn buồn ngủ"(1)…

Từ đây, dàn đờn "phe Văn nhạc lễ" không chỉ dành cho lễ bái hoặc những dịp quan - hôn - tang - tế mà còn chơi trong nhiều dịp khác, phục vụ cho mục đích khác như giải trí, vui chơi... Dàn đờn đó đã mở đầu một phong trào rộng khắp ở Nam Bộ, hình thành một thể loại được yêu thích, bảo tồn và không ngừng phát triển vốn âm nhạc cổ truyền nơi vùng đất mới. Thể loại âm nhạc đó sau này là cội nguồn

(1) Vương Hồng Sển, *Hồi ký 50 năm mê hát,* (Trích) "…Trước đó nữa, tại các điểm Nam Kỳ không có dàn đờn cổ nhạc Việt, chỉ có dàn nhạc Lễ (tỷ dụ như ở Bạc Liêu có Nhạc Khị) thường dùng vào các cuộc đám ma, nhà héo. Mỗi khi có đám tang, vào lúc canh khuya, sau buổi tế, buổi tụng kinh, thường thấy các thầy nhạc, các thầy chùa bày ra đòi chủ nhà nấu cháo trắng để thức sáng đêm, và nhơn dịp ấy, học cùng hòa đờn, tập dượt ca cho đúng nhịp, để đánh cơn buồn ngủ. Sau thành thói tục, mỗi dịp quan - hôn - tang - tế, thậm chí lễ mừng tân quan, tân gia, khai bằng, khánh hạ, đám giỗ, đám cưới, đều có mời họ luôn cho rậm đám…"

của một thể loại sân khấu dân tộc được cả nước yêu thích, là nguồn mạch cho những sáng tạo âm nhạc sau này...

Một nguồn cội khác của đờn ca tài tử đó là kế thừa từ nhạc thính phòng Huế, nhạc đờn của vùng Ngũ Quảng. Theo nhạc sĩ Phạm Duy trong quyển *Lược khảo về dân nhạc Việt Nam* thì ở miền Nam lúc đó đã có một thú chơi âm nhạc tao nhã trong những người bình dân "cùng nhau đờn ca vui chơi"... mà, ông giải thích đó là "Nhạc tài tử miền Nam". "Trong khi ở miền Bắc, hát Ả Đào đã thoát khỏi hình thức hát Cửa Quyền, trở thành thú chơi tao nhã của nho sĩ, thì ở Thuận Hóa (Huế), kinh đô của nhà Nguyễn, các hoàng thân và quan chức trong triều cũng sáng lập ra một loại ca nhạc thính phòng mà về sau gọi là Ca Huế.

Loại ca nhạc có tính chất tài tử này xuất xứ từ nơi lầu son gác tía, nhanh chóng vượt khỏi địa giới kinh thành Huế rồi dừng lại tại mấy tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi... Những thầy đờn người Quảng lại đem loại nhạc miền Trung vào dạy cho những người yêu nhạc miền Nam, để sau này không lâu, một loại nhạc phòng nữa lại ra đời, hội đủ các yếu tố âm nhạc Huế, Quảng và địa phương và mang cái tên nhạc Tài tử Nam Bộ...".

Trên cơ sở nhóm nhạc Phe Văn của dàn nhạc lễ Nam Bộ như đã nêu, các nhạc sĩ miền Nam đã bỏ bộ trống lễ, thay bằng song lang, hình thành nhóm nhạc"đờn cây". Ban nhạc "đờn cây" ấy tiếp thu bài bản và hình thức thính phòng của nhạc Huế, đờn Quảng; sáng tạo - biến đổi thành những giai điệu mang âm điệu mới phù hợp với giọng nói người miền Nam, tiếp thu phong cách thính phòng trong hòa tấu... để có một thể loại âm nhạc mới phù hợp với tinh thần "thích đờn ca" của người Nam Bộ. Dàn đờn đó không chỉ có các cây đờn cò của Phe Văn nhạc lễ mà còn có đàn kìm (nguyệt), đàn tranh, đàn tỳ bà... của lối hòa tấu thính phòng Huế.

Khi nhắc đến lịch sử Đờn ca tài tử Nam Bộ không thể không nhắc đến những nhân vật có đóng góp to lớn đó là ông Ba Đợi và ông Ký

Quờn. Mỗi người tiêu biểu cho Đờn ca tài tử miền Đông và Đờn ca tài tử miền Tây.

Ông Ba Đợi tên thật là Nguyễn Quang Đại, theo những tài liệu còn ghi lại của Câu lạc bộ Đờn ca tài tử quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh do nghệ sĩ Tấn Nhì biên soạn thì nghệ nhân Nguyễn Quang Đại vốn là một quan nhạc của triều đình nhà Nguyễn. Vào cuối thế kỷ XIX, hưởng ứng phong trào Cần Vương chống Pháp, ông đã vô Nam truyền dạy nhạc tài tử và nhạc lễ. Ban đầu ông ở Cần Đước sau chuyển về Sài Gòn - Gia Định để dạy học trò. Ông đào tạo các nhạc sĩ lừng danh lúc bấy giờ là Sáu Thới (Lại Văn Thới) và Tám Hạnh. Ông Sáu Thới sau đó tiếp tục truyền dạy cho các học trò của mình là Giáo Thinh (Nguyễn Văn Thinh, trước đây là Trưởng khoa Âm nhạc dân tộc của Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn, nay đã mất), Tư Nghị, Năm Cần... Tại Cần Đước, Cần Giuộc (Long An), nghệ nhân Nguyễn Quang Đại truyền dạy và đào tạo được các nhạc sĩ tài ba như nhạc Láo, nhạc Thời, Hai Tò Le, Sáu Thoàn, Chín Chiêu, Năm Tịnh, Sáu Giỏi, Bảy Lung, Xã Năm, Hai Bầu, Năm Khiết, Năm Xem, Ba Đống, Năm Quýnh, Mười Hai Dương. Ở Bình Dương có Sư Dung (vốn là thầy dạy đờn tỳ bà cho Giáo Thinh), Út Lăng, Út Búng. Ngoài ra, tại Bến Tre và một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long khác cũng có nhiều truyền nhân của nhạc sư Nguyễn Quang Đại. Riêng tại Đồng Nai, ông cũng có những môn đệ như Văn Kiên (kèn), Võ Phải (trống) lừng danh trong giới nhạc lễ một thời... Ông không chỉ đào tạo nhiều học trò và có tầm ảnh hưởng sâu rộng để có thể hình thành hẳn một hệ phái Đờn ca tài tử miền Đông, mà ông còn sáng tác rất nhiều những bài bản như bộ ngũ châu miền Đông, 8 bản ngự để cung nghinh vua Thành Thái. Ông là người đã hệ thống hơi điệu tài tử thành bốn điệu Bắc, Nam, Hạ, Oán (20 bài bản Tổ) và cải biên nhạc cung đình, sáng tạo ra nhạc lễ miền Nam. Với vai trò là trưởng nhóm Nhạc tài tử miền Đông, ông đã cùng với ông Kinh Lịch Trần Quang Quờn ở miền Tây đã làm cho kho tàng bài bản tài tử thêm phong phú. Ông đã dạy các môn đệ về lý thuyết âm dương ngũ hành của nền triết học Đông phương, nâng cao bộ môn Đờn ca tài tử lên

đỉnh cao đầy tính bác học. Hàng năm, đến ngày giỗ của ông vào 19 tháng Giêng âm lịch, đông đảo dân chơi tài tử lại về đình Vạn Phước, xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An để thắp một nén nhang tưởng nhớ một bậc thầy tài danh và cùng tham gia giao lưu văn nghệ.

Nhân vật thứ hai phải nhắc đến là ông Ký Quờn tức Trần Quang Hườn - hay Trần Quang Quờn. Theo các công trình nghiên cứu của những người đi trước thì ông gốc người miền Trung, ông biết chữ Hán, tiếng Pháp, làm thư ký tại Tòa án của tỉnh Vĩnh Long, chuyên dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt, hoặc Pháp... Ông rất nổi tiếng trong nhạc giới tài tử với nhiều tên gọi: Kinh lịch Quờn, thầy Ký Quờn... Ông biết nhiều loại đờn, thích cải tiến nhạc khí, ông đã nghiên cứu thể nghiệm, chế tác nhiều nhạc khí đưa vào diễn tấu trong dàn đờn tài tử. Ông cũng là người sáng tác nhiều bài bản đàn; sáng tạo lối ghi nhạc riêng và là người được xem như "thủ lĩnh" của nhóm nhạc miền Tây. Ông cũng thường đặt lời cho bài *Tứ Đại Oán* rất thịnh hành lúc bấy giờ, được nhiều người biết đến.

Ngoài hai nhạc sư là Ba Đợi và Ký Quờn, lịch sử Đờn ca tài tử Nam Bộ còn phải ghi nhận những đóng góp to lớn của những nghệ nhân: Cao Huỳnh Điểu, Trần Quang Diệm, Nguyễn Liên Phong, Nguyễn Tùng Bá, Nguyễn Tư Ba… Các nghệ nhân này là những nhà tiên phong trong những cố gắng biên soạn, sáng tác và giảng dạy nhạc tài tử theo phong cách riêng của mình. Các ấn bản nhạc tài tử bắt đầu xuất hiện vào năm 1909. Riêng trong những thập niên 60 và 70, nhạc tài tử được các hãng đĩa phát hành rộng rãi trong và ngoài nước. Từ đó nhiều danh ca, danh cầm được nhiều người biết đến.

1.2. Hệ thống bài bản

Hệ thống bài bản trong đờn ca tài tử có nhiều cách phân chia, trong tham luận "Hệ thống bài bản trong đờn ca tài tử" của Huỳnh Văn Khải tại cuộc tọa đàm "Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Nghệ thuật Đờn ca tài tử" tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2010 có định nghĩa về hệ thống bài bản như sau: "Hệ thống bài

bản nhạc tài tử là tập hợp danh mục các bài bản nhạc tài tử tiêu biểu, được xếp vào từng bộ, tùy theo xuất xứ, tính chất, hình thức, hoặc nội dung của những bài bản này. Trong phong trào đờn ca tài tử, hệ thống bài bản nhạc tài tử, bao gồm các bài ca, bài nhạc và bản nhạc, có thể được trích sử dụng trong các cuộc sinh hoạt đờn ca tài tử, từ liên hoan, giao lưu, nhóm bạn, gia đình đến sinh hoạt đờn ca tài tử cá nhân; từ biểu diễn trước công chúng, trên sóng phát thanh truyền hình, băng đĩa nhạc, đến phục vụ trong gia đình, ru con ru em, hay tự mình đờn, mình ca cho chính mình thưởng thức".

Cũng theo tác giả thì "Hệ thống bài bản nhạc tài tử quan hệ hỗ tương phong trào đờn ca tài tử, phục vụ nhu cầu văn hóa nghệ thuật của cộng đồng, thông qua tính đa dạng về diễn cảm, nội dung, phong phú về thể loại, hình thức, thể hiện trong các tiết mục, chương trình Đờn ca tài tử. Từ nhu cầu phục vụ mà phong trào đờn ca tài tử đã có một số cách xếp loại bài bản nhạc tài tử thành một số kiểu hệ thống như sau:

Kiểu hệ thống bài bản có 2 loại: Loại xôm, loại muồi; loại bản lớn, loại bản nhỏ; loại bản dài, loại bản ngắn; loại bản Bắc, loại bản Nam; loại bản cổ điển, loại tân điệu; loại bản Tổ, loại ngoài bản Tổ...

Kiểu hệ thống bài bản có 10 bộ. Kiểu hệ thống này được phổ biến rộng rãi, với 10 bộ bài bản, được xếp thứ tự như: Nhứt Lý, nhì Ngâm, tam Nam, tứ Oán, ngũ Điểm, lục Xuất, thất Chánh, bát Ngự, cửu Nhĩ và thập Thủ.

- Bộ Nhứt Lý: Bộ Nhứt Lý trong nhạc Tài tử có nguồn gốc từ các làn điệu Lý, trong dân ca, còn được gọi là các bài Lý, được soạn theo phong cách tài tử. Các bài Lý trong nhạc tài tử thông dụng, như: Lý Con Sáo, Lý Ngựa Ô Nam, Lý Ngựa Ô Bắc, Lý Thập Tình, Lý Giao Duyên, Lý Sâm Thương... Trong quá trình phong trào Đờn ca tài tử phát triển, số lượng bài Lý được đưa vào hệ thống bài bản nhạc tài tử ngày càng nhiều, làm phong phú tính chất thể hiện của Bộ Nhứt Lý. Bộ Nhứt Lý được trích sử dụng trong những buổi sinh hoạt Đờn ca tài

tử cá nhân, gia đình, nhóm bạn, giao lưu. Trong nhiều cuộc liên hoan đờn ca tài tử, Bộ Nhứt Lý ít được sử dụng.

- Bộ Nhì Ngâm: Bộ Nhì Ngâm trong nhạc tài tử có nguồn gốc từ phong cách Ngâm, Vịnh, đọc, nói thơ, có từ truyền thống. Ngâm Vịnh là phong cách vận dụng các hơi điệu, như: Xuân, Ai, Bắc, Oán, Sa Mạc, Tao Đàn... Đọc thơ, đọc văn là phong cách vận dung các cách đọc thơ, đọc văn, đọc truyện truyền thống. Đọc thơ, đọc văn đi vào trong biểu diễn nhạc tài tử thành nói lối, nói lối dậm, câu thán trong lòng bài bản. Nói thơ trong lòng bài bản là vận dụng, phát huy cách nói thơ Vân Tiên vào trong lòng bài bản. Mặc dù các thể Ngâm chưa hình thành tác phẩm âm nhạc, nhưng những giai điệu độc đáo của bộ Ngâm được đưa vào hệ thống bài bản nhạc tài tử, góp phần làm phong phú sức biểu hiện của hệ thống bài bản nhạc tài tử trong phong trào Đờn ca tài tử, phục vụ cộng đồng.

- Bộ Tam Nam: Bộ Tam Nam trong nhạc tài tử, có nguồn gốc từ nhạc lễ Nam Bộ, gồm có 3 bản, như: Nam Xuân, Nam Ai và Đảo Ngũ Cung, còn được gọi tắt là Ba Nam, Ba Bài Nam. Ba Bài Nam được xếp vào 20 bản Tổ nhạc tài tử.

+ Bản Nam Xuân có 68 câu, nhịp tư. Mỗi câu Nam Xuân có 4 nhịp. Bản Nam Xuân được chia thành 8 lớp và 4 câu Phản, bao gồm 2 lớp Trống Xuân. Như vậy 2 lớp Trống Xuân có 16 câu.

+ Bản Nam Ai có 68 câu, nhịp tư. Mỗi câu Nam Ai có 4 nhịp. Bản Nam Ai được chia thành 8 lớp, và 4 câu Phản, bao gồm 2 lớp Trống Ai. Lớp Trống Ai còn được gọi là lớp Mái. Như vậy 2 lớp Trống Ai có 16 câu.

+ Bản Đảo Ngũ Cung có 68 câu, nhịp tư. Mỗi câu Đảo Ngũ Cung có 4 nhịp. Bản Đảo Ngũ Cung được chia thành 8 lớp, và 4 câu Phản, bao gồm 2 lớp Song Cước. Như vậy 2 lớp Song Cước có 16 câu.

Bộ Tam Nam, với 3 bản nhạc có số câu bằng nhau, có cấu trúc hình thức tương tự, được sáng tác trên các kiểu thang âm Nam, là một trong những bộ bài bản được xem là tuyệt tác trong hệ thống bài

bản nhạc tài tử, được sử dụng trong tất cả các cuộc sinh hoạt, phong trào đờn ca tài tử.

- Bộ Tứ Oán: Bộ Tứ Oán là những tác phẩm âm nhạc tài tử được sáng tác từ những chất liệu âm nhạc đặc thù ngữ âm, ngữ điệu của nhạc tài tử. Tất cả 10 tác phẩm trong bộ Tứ Oán đều có cùng một loại hơi, được gọi là hơi Oán. Cấu trúc của những bản Oán đều tương tự như nhau, về cấu trúc câu, thang âm, loại nhịp, đến nỗi, người thưởng thức phải chú ý mới có thể phân biệt được.

Bộ Tứ Oán được chia thành 3 loại, như: Oán chính, Oán phụ và Oán biến thể.

+ Loại Oán chính gồm có 4 tác phẩm, như: Tứ Đại Oán, Phụng Hoàng Lai Nghi, Giang Nam Cửu Khúc và Phụng Cầu Hoàng Duyên.

Bản Tứ Đại Oán, có 38 câu, có gốc từ bản Tứ Đại nhịp tư; Phụng Hoàng Lai Nghi, có 48 câu, có gốc từ bản Phụng Hoàng nhịp tư; Giang Nam Cửu Khúc, có 58 câu, có gốc từ bản Giang Nam nhịp tư và bản Phụng Cầu Hoàng Duyên, có 40 câu, có gốc từ bản Phụng Cầu nhịp tư.

+ Loại Oán phụ gồm có 4 tác phẩm, như: Bình Sa Lạc Nhạn có 37 câu, Thanh Dạ Đề Quyên có 32 câu, Nguơn Tiêu Hội Oán có 32 câu và Võ Văn Hội Oán có 32 câu. Cả 4 bản nhạc trong loại Oán phụ này đều được sáng tác theo nhịp tám. Trong đó, bản Thanh Dạ Đề Quyên do nghệ sĩ ưu tú Nguyễn Văn Thinh sáng tác; bản Bình Sa Lạc Nhạn do nghệ sĩ ưu tú Võ Văn Khuê soạn lục, sáng tác lời ca và phổ biến. Được xếp vào loại Oán phụ, vì những bản này ra đời sau loại Oán chính, cấu trúc, hơi điệu của chúng bổ sung phong cách Oán cho loại Oán chính.

+ Loại Oán biến thể gồm có 2 tác phẩm, như: Văn Thiên Tường và Trường Tương Tư. Văn Thiên Tường, có 42 câu, là bản nhạc được sáng tác để tôn vinh, tưởng nhớ anh hùng dân tộc Thủ Khoa Huân, theo nhịp tư lơi, hay còn gọi là tám thúc. Bản Trường Tương Tư, theo nhịp tám thúc, có gốc từ bản Tương Tư nhịp tư. Bản Tương Tư, có 28 câu, là một tác phẩm được cảm tác từ bản Nam Cung Bằng, nhạc

Miền Trung. Biến thể trong khúc thức là do một số câu vừa theo điệu Oán lại vừa theo điệu Ai.

Bộ Tứ Oán trong hệ thống bài bản nhạc tài tử là những tác phẩm đặc trưng về thang âm, hơi điệu, đến cấu trúc hình thức âm nhạc, được xem như những tuyệt tác trong hệ thống bài bản nhạc tài tử, thường được trích sử dụng trong hầu hết các cuộc biểu diễn giao lưu, liên hoan Đờn ca tài tử, và một số chương trình Đờn ca tài tử, thể hiện tính trữ tình sâu lắng.

- Bộ Ngũ Điểm: Bộ Ngũ Điểm, trước đây gồm có 5 bản: Lưu Thủy, Phú Lục, Bình Bán, Cổ Bản và Xuân Tình, đề xuất của tác giả, gồm các bản nhạc có nguồn gốc từ các bản theo điệu Quảng, bao gồm điệu nhạc Ngũ Quảng và điệu nhạc Hoa, các bản nhỏ. Các bản nhạc trong Bộ Ngũ Điểm, lấy chủ điệu làm chính, lấy cấu trúc làm phụ, như: Ngũ điểm mai, Tọa ngọc lầu, Sương chiều, Tú anh... Hầu hết các bài bản này không được xếp câu cụ thể.

Bộ Ngũ Điểm được sử dụng trong các buổi sinh hoạt Đờn ca tài tử phổ thông, trong gia đình, nhóm ban, phục vụ công chúng.

- Bộ Lục Xuất: Bộ Lục Xuất trong nhạc tài tử, có nguồn gốc từ mở nhịp, phóng tác, sáng tác các điệu thức Bắc. Bộ Lục Xuất gồm có 6 nhóm bản nhạc có tên đầu, như: Lưu Thủy, Phú Lục, Bình Bán, Cổ Bản, Xuân Tình và Tây Thi. Bao gồm 6 bản tẩu thủ, 6 bản đoản, vấn thủ, 6 bản trường, chấn thủ; 6 bản tẩu vĩ, 6 bản đoản, vấn vĩ, 6 bản trường, chấn vĩ. Như vậy, Bộ Lục Xuất có 36 bản nhạc.

Sáu Bản Bắc, còn gọi là Sáu Bắc, nằm trong bộ Lục Xuất, gồm có các bản nhạc như: Lưu Thủy trường, Tây Thi trường, Cổ Bản trường, Phú Lục chấn, Bình Bán chấn và Xuân Tình chấn. Theo trên, Sáu Bắc gồm có 3 bản chấn và 3 bản trường.

Trong những cuộc biểu diễn giao lưu, liên hoan Đờn ca tài tử, 6 Bắc gồm có các bản nhạc, được xếp thứ tự theo chữ nhạc vô đầu bản nhạc, như: Lưu Thủy trường 32 câu, Phú Lục chấn 34 câu, Bình Bán chấn 44 câu, Cổ Bản vấn 34 câu, Xuân Tình chấn 48 câu và Tây Thi vấn 26 câu.

Trong biểu diễn, thông thường 6 Bắc được diễn tấu theo từng cặp, như sau: Lưu Thủy - Phú Lục, Bình Bán - Xuân Tình, Tây Thi - Cổ Bản.

Bộ Lục Xuất, với 36 bản nhạc có cùng thang âm Bắc, có cùng hơi Bắc, có cấu trúc hình thức đa dạng. Trong đó, 6 bản Bắc được xếp vào 20 bản Tổ, là số trong những tác phẩm kinh điển trong nhạc tài tử, được trích sử dụng trong hầu hết các chương trình Đờn ca tài tử.

- Bộ Thất Chánh: Bộ Thất Chánh trong nhạc tài tử, có nguồn gốc từ việc mở nhịp, phóng tác, các bản nhạc trong Nhạc lễ Nam Bộ. Bộ Thất Chánh gồm có 7 nhóm bản nhạc có tên đầu, như: Xàng Xê, Ngũ Đối Thượng, Ngũ Đối Hạ, Long Đăng, Long Ngâm, Vạn Giá và Tiểu Khúc.

Bảy Bài, trong bộ Thất Chánh, còn được gọi với một số tên khác, như: Bảy bài cò, bảy bài hạ, bảy bản bắc lớn, bảy bản bắc lễ. "Bảy bài" là tên gọi thông dụng nhất trong dân gian để dành cho bảy tác phẩm âm nhạc có tính chất nhạc nghiêm trang. Bảy bài là 7 tác phẩm âm nhạc được xếp vào 20 bản Tổ nhạc tài tử.

Một số giải thích các từ trên như sau:

Gọi là Bảy bài, vì gốc của 7 bản nhạc này là nhạc lễ Nam Bộ, nhạc lễ không có lời ca. Các tài tử viết lời cho các bản nhạc trên,hình thành Bảy bài. Bảy bài này có lòng bản không trùng với 7 bản nhạc trong nhạc lễ Nam Bộ. Cũng có cách giải thích rằng, bài là bản nhạc, hoặc lời ca hình thành từ cách soạn, sáng tác dựa vào bản nhạc gốc.

Gọi là Bảy bài cò, vì 7 bản nhạc này có xuất xứ từ nhạc lễ Nam Bộ, mà bộ văn của dàn nhạc lễ chủ yếu là đờn cò.

Gọi là Bảy bài hạ, vì 7 bản nhạc này thường được diễn tấu trên Dây Hạ, nghĩa là lấy Cung Hò Ba làm Liu.

Gọi là Bảy bản Bắc lớn, vì khi biểu diễn 7 bản nhạc này, một số tài tử đã chỉ sử dụng kết cấu câu nhạc, còn hơi điệu thì đã chuyển qua hơi Bắc, như Sáu Bắc.

Gọi là Bản bản Bắc Lễ, vì khi viết lời, hoặc biểu diễn, một số tài tử đã sử dụng đan xem giữa hơi Bắc là hơi Lễ (hơi Thất Chánh) vào 7 tác phẩm này.

Bảy bài trong 20 bản Tổ, gồm: Xàng Xê có 64 câu, Ngũ Đối thượng có 60 câu, lại có Bản Ngũ Đối thượng 61 câu, Ngũ Đối hạ có 38 câu; Long Đăng có 40 câu; Long Ngâm có 33 câu; Vạn Giá có 47 câu và Tiểu Khúc có 29 câu, đều theo nhịp tư.

Bảy bài, trong Bộ Thất Chánh nhạc tài tử, có hơi điệu trang nghiêm, đặc trưng, góp phần tạo nên bản sắc độc đáo của 20 bản Tổ, được sử dụng trong các cuộc biểu diễn giao lưu, liên hoan Đờn ca tài tử.

- Bộ Bát Ngự: Bộ Bát Ngự trong nhạc tài tử gồm 8 bản nhạc, được nghệ nhân Nguyễn Quang Đại sáng tác, gồm: Đường Thái Tôn 32 câu, Vọng Phu 33 câu, Chiêu Quân 43 câu, Ái Tử Kê 19 câu, Bát Man Tấn Cống 96 câu, Tương Tư 77 câu, Duyên Kỳ Ngộ 62 câu và Quả Phụ Hàm Oan 59 câu. Tất cả đều theo nhịp đôi.

Bộ Bát Ngự ít được sử dụng trong các chương trình liên hoan Đờn ca tài tử khu vực, nhưng được sử dụng rộng rãi trong các cuộc giao lưu biểu diễn, đặc biệt trong dịp Lễ hội Nguyễn Quang Đại.

- Bộ Cửu Nhĩ: Bộ Cửu Nhĩ, còn được gọi là Bộ Cửu Phẩm, gồm những tác phẩm được sáng tác trên nhiều khúc thức, hơi điệu khác nhau. Trước đây Bộ Cửu Nhĩ có 2 bản nhạc: Hội Ngươn Tiêu 32 câu và Bác Bản Chấn 72 câu, đều theo nhịp tư. Trong quá trình phát triển phong trào Đờn ca tài tử, nhiều bài bản được sáng tác theo điệu của Bộ Cửu Nhĩ, như: Loại Ngũ châu, Tứ bửu, Ngũ Châu Minh Phổ, Ngũ Khúc Long Phi, Khúc Hận Nam Quan, Ngũ Châu Liên Cước... có thể được xếp vào bộ này.

Bộ Cửu Nhĩ ít được trích sử dụng trong các cuộc liên hoan Đờn ca tài tử, nhưng thường được sử dụng rộng rãi trong giới yêu thích ca nhạc tài tử.

- Bộ Thập Thủ: Bộ Thập Thủ trong nhạc tài tử có gốc từ các bản nhạc do các nghệ nhân nhạc sĩ tiền phong đem từ phía Bắc vào Nam, có những bản nhạc như: Phẩm tuyết, Nguyên tiêu, Liên hườn, Bình nguyên, Tây mai, Hồ Quảng, Tẩu mã, Kim tiền, Xuân phong, Long hổ. Mỗi bản này là một điệu nhạc độc đáo, thường được trích sử dụng gần như nguyên bản, trong các cuộc sinh hoạt Đờn ca tài tử, nhưng ít được sử dụng trong các cuộc liên hoan Đờn ca tài tử.

Cũng theo tác giả Huỳnh Khải thì ngoài 10 bộ trên, ta có thể có thêm 1 bộ nữa tạm gọi là Bộ Thập nhất vọng cổ, Bộ Thập nhất vọng cổ có gốc từ bản Dạ cổ hoài lang và những bản vọng cổ, gồm có các bản như: Dạ cổ hoài lang, Vọng cổ nhịp tư, Vọng cổ nhịp tám, Vọng cổ nhịp mười sáu và Vọng cổ nhịp ba mươi hai. Tất cả đều có 20 câu. Bộ Vọng cổ, với các thể nhịp thức, đều được sử dụng rộng rãi trong hầu hết các cuộc sinh hoạt Đờn ca tài tử.

1.3. Biên chế dàn nhạc

Trong sinh hoạt đờn ca tài tử, biên chế dàn nhạc cũng đa dạng từ những nhạc cụ truyền thống như: Đàn kìm, đàn cò, đàn tranh, đàn nguyệt cho đến những nhạc cụ phương Tây mới du nhập khoảng những năm 1920-1930 như violon, guitar (được cải tiến bằng cách khoét lõng phím và lên dây lại).

- Đàn kìm (nguyệt): Còn gọi là nguyệt cầm, mặt đàn tròn, cần đàn dài, ngắn từ 8 đến 10 phím bằng tre già, dây đàn bằng dây gân, thùng và cần đàn bằng gỗ, tiếng đàn phát ra với âm đục. Với tài năng của người nhạc sĩ bằng những ngón "nhấn", "vuốt", "giật", "gân chìm", "gân nổi"… tạo ra tiếng nhạc phù hợp với từng điệu thức, ưu thế của đàn kìm là đệm cho điệu thức nào cũng có hiệu quả. Trong dàn nhạc người đàn kìm thường giữ nhịp chính và được xem là "quân tử cầm".

- Đàn tranh (thập lục): Trong dàn nhạc tài tử Nam Bộ có người rất thích sử dụng loại nhạc cụ này, cũng có người thích sử dụng nhạc cụ cổ điển. Đàn tranh có mười sáu dây, mười sáu con nhạn và mười sáu trục, âm sắc của cây đàn tranh là trong sáng, véo von sử dụng được cho cả các điệu thức trong dòng nhạc tài tử Nam Bộ.

- Đàn cò (nhị): Được cấu tạo bằng một ống rỗng ngắn, một đầu có bịt da trăn hoặc da kỳ đà, một cần cắm xuyên qua ống rỗng, trên có hai trục và đờn có hai dây bằng gân hoặc kim loại. Cung vĩ căng bằng những sợi tơ mành, vĩ luồn qua hai dây, khi đàn là dùng vĩ kéo. Âm sắc của đàn cò nghe réo rắt và rất gợi cảm, đàn cò sử dụng cho cả các điệu thức trong nhạc tài tử Nam Bộ, nhưng ưu thế của nó vẫn là đối với các bài nhạc lễ và điệu thức oán.

- Đàn bầu: Còn gọi là đàn độc huyền, bởi nó chỉ có một dây. Nó cấu tạo rất đơn giản. Tính độc đáo của nó là không dùng âm thật của dây đờn mà dùng các phím bồi âm là chủ yếu, một cái khẩy nhưng lại tạo ra nhiều chữ nhạc do phương pháp nắn vòi đàn của người nhạc sĩ, âm sắc của đàn bầu nghe rất não nuột, rung cảm cho nên trong dân gian có câu: "Đàn bầu ai khẩy nấy nghe, làm thân con gái chớ nghe đàn bầu". Cây đàn bầu có thể thích ứng với các điệu thức nhưng phát huy tốt nhất vẫn là điệu thức oán trong dòng nhạc tài tử Nam Bộ.

- Song lang: Song lang là tên của cặp phách tre cổ sơ, nó là một nhạc khí giữ nhịp được phát minh từ rất xa xưa và thường có mặt ở hầu hết các dàn nhạc truyền thống Việt Nam. Nhưng khi đến với dàn nhạc tài tử Nam Bộ thì nó được cải tiến một cách thích nghi cho người vừa đờn vừa gõ nhịp chính. Người đờn và người ca bao giờ cũng chú ý đến lược gõ nhịp song lang, bởi đó là tiếng báo hiệu dứt câu hoặc những điểm trọng tâm trong lòng câu. Để đánh giá các nhạc công trong dàn nhạc tài tử Nam Bộ và người ca có giỏi hay không thì nhịp nhàng là yếu tố cơ bản để xác định, muốn xác định nhịp chắc hay không thì phải căn cứ vào tiếng gõ của song lang. Nếu như song lang gõ cuối câu mà các nhạc công trong dàn nhạc và người ca đều rơi cùng một trùng với nhịp gõ song lang thì mới được đánh giá là đờn giỏi, ca giỏi.

- Đàn sến: Là loại nhạc cụ mới du nhập vào Việt Nam khoảng sau thế chiến lần thứ nhất, thùng đàn có hình dạng như hoa mai, có hai dây bằng dây gân hoặc kim loại, âm sắc rất trong sáng, xôm tụ.

Ưu thế của nó là đệm cho các điệu thức Bắc, Quảng và Bảy Bài trong dòng nhạc tài tử Nam Bộ.

- Đàn violon: Còn gọi là cò Tây, là loại đờn du nhập từ phương Tây, được sử dụng bằng vĩ kéo. Người có công cải tiến để cho cây đàn violon thích nghi với dàn nhạc tài tử Nam Bộ là cố nghệ sĩ Nguyễn Văn Thinh, nghệ sĩ Vĩnh Bảo. Với âm sắc êm dịu, ngọt ngào của cây đàn Violon đã làm phong phú thêm cho dàn nhạc tài tử Nam Bộ, nhất là đệm cho bài ca vọng cổ.

- Đàn guitar phím lõm: Cũng là loại đàn du nhập từ phương Tây nhưng nó được cải tiến một cách phù hợp đối với người sử dụng và đối với các điệu thức trong dòng nhạc tài tử Nam Bộ. Có thể nói đây là một thành công bền vững nhất trong phương hướng "thích nghi" các cây đàn phương Tây vào dàn nhạc truyền thống của Nam Bộ do chính các nghệ sĩ, nghệ nhân trong phong trào Đờn ca tài tử Nam Bộ tạo nên.

Đối với nhạc tài tử Nam Bộ, guitar phím lõm có thể nhấn nhá được theo các hơi Nam như cây đàn kìm, nhưng ưu trội hơn là nó khá thuận tiện trong hầu hết các điệu thức. Đặc biệt với hệ thống dây phong và bản phím vẫn để nguyên theo thang bình quân nhưng nó rất dễ dàng dịch giọng để thích ứng với các loại tông hát của nam và nữ, lại còn có nhiều cách so dây. Sử dụng đàn guitar phím lõm rất dễ dàng dịch chuyển từ điệu thức này sang điệu thức khác, từ cổ sang tân và ngược lại. Qua tính năng của cây đàn guitar phím lõm cho thấy nó đã chiếm vị thế rất quan trọng trong dàn nhạc tài tử Nam Bộ, có thể thế chỗ cho cây đàn kìm với vai trò là cây đàn chánh và có khi chỉ cần một cây đàn guitar phím lõm cũng đủ phục vụ cho người ca trong một cuộc đờn ca tài tử Nam Bộ.

Với tính chất "tài tử", hiểu theo nghĩa "không chuyên nghiệp", biên chế các nhạc khí dàn đờn tài tử không bị bắt buộc bởi số lượng hay loại nhạc khí nào ngoài yêu cầu phải thể hiện được chữ "hòa", có thể là hòa điệu nhưng cũng có nghĩa là hòa sắc, tức âm sắc của các

nhạc khí với nhau. Hòa đàn tài tử là lối chơi theo thẩm mỹ: Hòa sắc không hòa thanh, không theo lối ba, bốn bè ở các âm vực cao, trung, trầm... như âm nhạc phương Tây. Ngoài hình thức độc tấu, những hình thức song tấu, tam tấu, tứ tấu, hòa ca… thường thấy trong hình thức hòa đờn, hòa ca tài tử. Những nghệ sĩ tài tử thích kết hợp hai hay nhiều nhạc cụ có âm sắc khác nhau. Xưa nay, đờn ca tài tử chuộng lối hòa đàn từ hai đến năm nhạc khí. Đàn kìm hòa với tranh - tiếng tơ với tiếng sắt, hoặc kìm hòa với cò - nhạc cụ dây gẩy với nhạc cụ dây kéo. Câu nói cửa miệng của nhạc giới là "sắt cầm hảo hiệp" để chỉ song tấu đàn cò - đàn tranh, đàn kìm - đàn tranh, "tam chi liên hoàn pháp" để chỉ lối hòa tấu ba nhạc cụ: Đàn kìm - đàn tranh - đàn cò, đàn kìm - đàn tranh - đàn độc huyền (đàn bầu), đàn tranh - đàn cò - đàn độc huyền... Hoặc, đơn giản hơn, nhạc giới có cách liệt kê và kết hợp pha trộn các nhạc cụ hòa tấu theo thứ tự: "Kìm - cò - tranh - độc - tiêu"…

Cách hòa đàn "tâm đắc" nhất của nhạc giới tài tử, theo nhạc sư Nguyễn Vĩnh Bảo là:

- Song tấu: Đàn kìm - đàn tranh, đàn kìm - đàn cò, đàn kìm - đàn bầu.

- Tam tấu: Đàn kìm - đàn tranh - đàn cò, đàn kìm - đàn cò - đàn bầu.

- Tứ tấu: Đàn kìm - đàn tranh - đàn cò - đàn tam hoặc đàn kìm - đàn tranh - đàn cò - đàn tỳ bà (vào những năm 30 thế kỷ XX, nhưng hai nhóm này thích hợp với những bản Bắc, Lễ).

- Ngũ tuyệt: Đàn kìm - đàn cò - đàn tranh - đàn độc huyền - ống tiêu (loại 5 lỗ).

Trong hòa tấu tài tử xưa không thấy xuất hiện những nhóm hòa đàn có hai hay ba nhạc cụ cùng âm sắc. Xu hướng đưa vào dàn hòa tấu thật nhiều nhạc cụ, thậm chí các nhạc cụ cùng âm sắc như kìm, guitare phím lõm, sến, đoản, tam... của một số nhóm đờn ca tài tử ngày nay chỉ làm cho rầm rộ, xôm tụ chứ không thể hiện được đặc điểm hòa sắc các nhạc cụ của lối hòa tấu tài tử. Nhiều nhạc cụ cùng

âm sắc, khi chơi cùng nét giai điệu hoặc khả dĩ có thể ngẫu hứng, thêm thắt hoa lá cũng dễ bị lẫn vào nhau, không thể bày ra hết được những nét riêng của từng nghệ sĩ, những nét nhấn nhá sâu sắc trong từng cung bậc, vốn là đặc trưng của âm nhạc tài tử.

Tuy chọn lựa nhạc khí để "hòa sắc", để tạo nên những âm thanh phù hợp phong cách... nhưng trong điều kiện dân dã, dàn đờn tài tử cũng có thể là bất cứ nhạc khí nào. Yêu cầu trong hòa đờn ca là người nghệ sĩ phải biết hòa điệu, biết nhường nhịn, nhưng cũng biết quăng bắt... cho ra chất tài tử. Ngày nay, do lẫn lộn giữa phong cách tài tử và cải lương nên dàn đờn tài tử ít được chăm chút, người ta không nắn nót từng chữ đàn, không tạo ra những câu nhạc, chữ đàn riêng, mỗi nhạc sĩ không còn tạo lối thêm thắt hay nhấn nhá mang cá tính nữa. Trong các buổi hòa đờn ca, người ta chỉ cố đàn cho đủ những chữ đờn của thầy, hoặc theo bài bản ghi sẵn, hoặc bắt chước chữ đàn của nhau mà thôi. Từ đó, dàn đờn tài tử, những lựa chọn nhạc khí, tính chất hòa sắc đã không còn là mối quan tâm trong buổi hòa đờn tài tử nữa mà chỉ cốt "rôm đám, xôm tụ"...

2. Vài nét về nghệ nhân Đờn ca tài tử Nam Bộ ở Đồng Nai

Theo các tài liệu về lịch sử đờn ca tài tử của các bậc tiền bối để lại thì nhạc sư Nguyễn Quang Đại đã có công lớn đào tạo được nhiều thế hệ nghệ sĩ kế thừa, nhất là thế hệ đầu tàu. Thế hệ này sau khi lĩnh hội được những bài bản của thầy truyền dạy đã mang vốn kiến thức âm nhạc ấy về truyền dạy lại cho lớp đàn em. Theo Trương Quốc Phong, có nhiều nơi mà nhạc sư Nguyễn Quang Đại đã từng mở lớp truyền dạy và có đệ tử chân truyền, gồm: "Tại Đa Kao (Sài Gòn), xóm Hàng Dừa trước cổng lăng Ông Bà Chiểu, quận Bình Thạnh, ông đào tạo các nhạc sĩ lừng danh lúc bấy giờ là Sáu Thới và Tám Hạnh. Ông Sáu Thới (tức Lại Văn Thới) sau đó tiếp tục truyền dạy cho các học trò của mình là Giáo Thinh (tức Nguyễn Văn Thinh), rồi Tư Nghi, Năm Cần... Tại Cần Đước, Cần Giuộc (Long An), nhạc sư Nguyễn Quang Đợi truyền dạy và đào tạo được các nhạc sĩ tài ba như: Nhạc Láo, nhạc Thời, Hai Bầu, Hai Tò Le, Ba Đống, Năm Khiết, Năm Quýnh,

Năm Tịnh, Năm Xem, Sáu Giỏi, Sáu Thoàn, Bảy Lung, Chín Chiêu, Mười Hai Dương, Xã Năm... Ở Sông Bé (Bình Dương) có: Sư Dung, Út Búng, Út Lăng... Tại Đồng Nai, ông cũng có những môn đệ như Văn Kiên (kèn), Võ Phải (trống) lừng danh trong giới nhạc lễ một thời. Như vậy, ngay từ thời của nghệ nhân Ba Đợi - tức là thời kỳ mở đầu của bộ môn nghệ thuật này thì Đồng Nai cũng góp mặt anh tài. Hiện nay, dấu vết về 2 môn đệ của thầy Ba Đợi ở Đồng Nai khá mờ mịt nhưng một vài người khẳng định Võ Phải là nói đến ông Ba Phải - một tay trống nhạc lễ cự phách đầu thế kỷ 20. Người cháu nội của ông Ba Phải là ông Năm Thu (phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa) cũng là dân nhạc lễ. Thật đáng tiếc ông Năm Thu mới chết cuối năm 2015, thọ hơn 90 tuổi và chúng tôi chưa kịp gặp gỡ để hỏi thăm về những nhân vật này.

Một trong những danh cầm của Đồng Nai còn được ghi chép nhiều là ông Võ Tấn Hưng thường gọi là Năm Hưng, tên thật là Võ Văn Giữ, sinh năm 1913 tại xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Do duyên may gặp gỡ chàng thanh niên nhiều tâm huyết của đất Đồng Nai này được thọ giáo với ông Giáo Thinh một danh cầm lúc bấy giờ. Võ Tấn Hưng rất siêng năng học tập và được thầy Giáo Thinh hết lòng dạy dỗ nên chỉ vài năm sau đã tiếp thu gần như trọn vẹn sở đắc của thầy, ngoài ra ông còn học tập cả những kinh nghiệm quí báu của các bạn đồng môn, của những người đi trước; ông lại thường tham gia đàn ca tài tử với bạn bè các nơi, tiếng đàn của ông lại rất mùi nên chỉ trong một thời gian ngắn cái tên Năm Hưng - cái tên mà thầy ông thường gọi đã được nhiều người biết đến.

Năm 1930, Võ Tấn Hưng đã bắt đầu chơi nhạc cho nhiều đoàn hát từ những đoàn hát nhỏ cho đến những đại bang. Đoàn hát đầu tiên mà ông phục vụ, đó là đoàn Phước Tường, nhưng chỉ được ít lâu ông lại hợp đồng với đoàn Long Phụng, rồi lần lượt sang các đoàn Tiến Hóa, Huỳnh Kỳ, Thinh Thinh… Năm 1940, ông được Bảy Cao mời về đoàn Hậu Tấn Bảy Cao, bắt đầu từ đó cuộc đời của ông có sự thay đổi khá lớn, ông được nhiều đại bang chú ý; nhưng cuộc đời

nghệ sĩ của ông cũng như khóm phù bình trôi mãi theo dòng sông, Năm Hưng lại tiếp tục sang các đoàn Tiếng Chuông, Tân Hương Hoa, Kim Chưởng… Suốt mười lăm năm sống với ánh đèn sân khấu, nghệ thuật của ông càng điêu luyện hơn, tiếng đàn của ông truyền cảm và sâu lắng hơn, lại được nhiều người ái mộ và coi trọng. Mãi đến năm 1946, khi ông về cộng tác với đoàn Mộng Vân, ông mới gặp được người bạn ý hợp tâm đầu, là soạn giả Mộng Vân. Tại đây ông mới thực sự tìm được hướng đi đúng đắn, đó là sáng tác giai điệu mới và biên soạn tác phẩm để lại cho đời sau. Mộng Vân đã động viên và tạo điều kiện giúp ông rất lớn trong công việc đầy đủ ý nghĩa này. Năm Hưng đã sáng tác được nhiều bài bản mới như: *Hạng vương túy tửu, Hương xuân hoài cảm, Hàn Tín tháo gươm, Tô châu diễm khúc, Sa giang diễm khúc, Tú cầu diễm lệ, Mã Yên sơn, Ngọc nát châu trầm, Hận tình ly oán, Thương hải băng sơn và một số bài bản mang tên các lài hoa như: Bích đào, Thược dược, Kê quan, Trà mi, Hải đường, Mộc hương*… Song song với việc sáng tác tác phẩm, Năm Hưng còn ghi chép và sưu tầm các bài bản xưa để lưu lại cho thế hệ sau kế thừa. Ông đã mua một bàn đánh máy nhỏ để tiện việc ghi chép và sưu tầm, ông rất hăng say trong việc làm này, ông sắp xếp từng loại bài bản, sau khi ghi chép còn tham khảo và hiệu đính rất cẩn thận trước khi đánh máy.

Năm 1954, Năm Hưng đã hòan thành được một tác phẩm, đây là quyển sách đầu tiên của ông mang tên *Cổ nhạc canh tân*, gồm một số bài bản thường dùng cho sân khấu cải lương. Ông lại tiếp tục sưu tầm, ghi chép, biên soạn đến cuối năm 1971, ông đã hoàn thành một bộ sách thật lớn, đó là bộ *Cổ nhạc tầm nguyên*, theo nhạc sĩ Năm Nhỏ thì tác giả đã chia bộ sách này thành bốn tập; tập I đã viết xong năm 1958 và cũng đã xuất bản vào năm đó, còn các tập kia mãi đến ngày ông qua đời vẫn chưa xuất bản được. Đây là một bộ sách đồ sộ đã được Năm Hưng ghi chép, phân loại và hiệu đính gần như đầy đủ các bài bản đàn ca tài tử và sân khấu cải lương trong suốt hai mươi năm dài; tiếc thay chưa xuất bản được trọn bộ.

Trong những năm cuối của cuộc đời Năm Hưng bị bệnh đau bao tử khá nặng, ông đã trở lại quê hương của mình cùng gia đình sinh sống ở đây; mặc dù tuổi già sức yếu nhưng ban đêm ông vẫn gắng sức dạy học trò, vẫn tiếp tục trả nợ cầm ca cho đến giây phút cuối. Năm 1983, ông đã qua đời sau một cơn bạo bệnh.

Được biết, hiện nay, trong Thư viện tỉnh Bạc Liêu còn lưu lại tập bản thảo khá dày được đóng bằng giấy đánh máy trong đó có một số trang viết bằng tay. Trang bìa còn bút tích của tác giả, phần trên cùng ghi *Cổ nhạc tầm nguyên*, kế đến là hàng chữ Sưu tầm và biên soạn của nhạc sư Năm Hưng và dưới cùng là mùa Đông năm Tân Hợi (1971). Nội dung bản thảo, nếu theo mục lục thì tác giả đã trình bày 160 bài bản, gồm các bản cổ và các sáng tác mới trong tiền bản thế kỷ 20, nhưng trên thực tế của tập bản thảo này thì chỉ còn lại 28 bản dài và 90 bản vắn mà thôi, 42 bản không rõ đã bị thất lạc từ lúc nào. Tuy nhiên, bản thân ông khi đánh máy nhiều bản nên bộ bản thảo Cổ nhạc tầm nguyên cũng được một vài người khác có được như Ông Hai Vĩnh (CLB đờn ca tài tử tỉnh Đồng Nai) hay nhạc sĩ Tấn Nhì. Bản thảo Cổ nhạc tầm nguyên được nhạc sĩ Tấn Nhì gom góp sưu tập, đánh máy lại và phổ biến trong giới chơi đờn ca tài tử nhưng theo một số người am hiểu thì những bản nhạc này đã bị nhạc sĩ Tấn Nhì có sửa đổi một số chỗ nên nhiều người không biết được tính nguyên vẹn và tiếc là nó chưa được chính thức công bố nguyên vẹn ngoại trừ tập 1 được xuất bản năm 1958.

Có thể nói, ở đất Đồng Nai thì nhạc sư Năm Hưng là một người có đóng góp to lớn cho nghệ thuật đờn ca tài tử cũng như sân khấu cải lương. Đáng tiếc là đóng góp của ông chưa được nhiều người biết đến đặc biệt là bộ sách *Cổ nhạc tầm nguyên* với những sưu tầm về bài bản, giới thiệu các nghệ nhân, nhạc sĩ lừng danh một thời. Đây là một tài liệu quí giá cho những ai nghiên cứu về đờn ca tài tử Nam Bộ.

Một bậc nhạc sư khác có liên quan đến đất Đồng Nai phải kể đến là ông Tư Nghi tức Phạm Văn Nghi. Ông Tư Nghi thuộc hàng sư huynh, sư đệ với ông Giáo Thinh và rất nổi tiếng trong giới tài tử

trước năm 1975 ở Sài Gòn. Ông vốn là một công chức, vợ ông là danh ca Hồ Thị Bửu. Ông Nghi sử dụng điêu luyện nhiều loại nhạc khí như: Tranh, kìm, cò, gáo; bài bản nhiều và cơ bản. Sau năm 1975, vợ chồng ông bà đi kinh tế mới tại Định Quán và đã chết tại đây. Cách đây vài năm, các học trò và ông Hai Sáng (con của ông Tư Nghi) đã hốt cốt ông đem về thờ tại xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đây dần trở thành nhà thờ tổ và là nơi thờ cúng các đại danh cầm của nghệ thuật đờn ca tài tử. Chúng tôi chưa có dịp tìm hiểu thời gian ở Định Quán ông có đào tạo được học trò nào không nhưng theo một số người thì bài *Ngũ Đối Ai* được ông sáng tác trong thời kỳ ở Định Quán và được ông Trần Ngọc Thạch lên tận nơi xin về phổ biến trong giới tài tử miền Đông.

Một câu chuyện khác về đờn ca tài tử có liên quan đến Đồng Nai là nhạc sỹ Văn Còn, tên thật là Nguyễn Văn Còn, sinh năm 1924 tại làng Tân Ninh, huyện Thủ Đức, tỉnh Gia Định, nay thuộc xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Văn Còn là nhạc sĩ cho nhiều gánh cải lương một thời. Năm 1953, ông tạm nghỉ đờn cải lương, lên Long Khánh sống bằng nghề khai thác gỗ rừng. Trong những đêm nhớ sân khấu, nhớ người thân, bè bạn, Văn Còn mang cây đờn ghi ta ra độc tấu, và trong quá trình ấy, nhạc sĩ Văn Còn đã sáng tác kiểu dây mới trên đờn guitar. Khi trở lại Sài Gòn, Văn Còn được mời vào đờn cho quán Lệ Liễu ở Thị Nghè. Với hệ thống dây "mới chế", tiếng đờn guitar của ông đã nhanh chóng chinh phục giới mộ điệu. Văn Còn gọi đây là dây Bảo Chánh vì nó ra đời tại ga xe lửa Bảo Chánh (Xuân Lộc). Kiểu dây Bảo Chánh được nhạc sĩ Văn Còn đàn lần đầu tiên qua bài vọng cổ *Nắm xương tàn* do nghệ sỹ Hữu Phước ca. Từ đây, danh tiếng nhạc sỹ Văn Còn càng vang xa hơn. Sau đó, kiểu dây Bảo Chánh được đổi tên thành dây Ngân Giang và đã trở thành một loại dây chính trên cây guitar phím lõm trong nghệ thuật đờn ca tài tử Nam Bộ.

Từ tư liệu, hồi ký của ông Mười Phú - một trong những cao thủ đờn ca tài tử thì ông có một số bạn hữu chơi đàn rất giỏi ở Đồng

Nai như: Ba Nhị, Ba Thân, Bảy Đua, Hà Khuê, Bảy Vân, Giáo Cẩn, Năm Bá, Tư Tải, Hiếu Nghĩa, Kim Âu… những bậc nghệ nhân này hầu hết đã qua đời và gần như không có người nối nghiệp ngoại trừ ông Ba Thân có người con trai là Tấn Đức vẫn đam mê đờn ca tài tử, thường xuyên tổ chức đờn ca tài tử tại nhà. Hàng đêm, anh còn tham gia tổ chức quán hát với nhau chuyên chơi nhạc tài tử và vọng cổ ở Biên Hòa.

Phong trào đờn ca tài tử của Đồng Nai có nhiều thăng trầm với các nghệ nhân, nghệ sĩ một thời nhưng hiện nay, nhắc đến đờn ca tài tử Đồng Nai là nhắc đến tên Phạm Lơ - người có công gầy dựng nên phong trào đờn ca tài tử ở Đồng Nai. Năm 1994-1995, ông Phạm Lơ qui tụ được một nhóm tài tử giỏi và thành lập Câu lạc bộ đờn ca tài tử trực thuộc Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh. Đến năm 1997 thì Câu lạc bộ này được chính thức thành lập và hoạt động hiệu quả đến nay. Dưới sự cố gắng của ông Phạm Lơ cùng với sự nhiệt tâm của các thành viên nòng cốt như: Nam Lợi, Hai Vĩnh và đặc biệt là sự quan tâm của các cấp lãnh đạo lúc đó như ông Huỳnh Văn Tới nên Câu lạc bộ này đã có sự phát triển khá mạnh và kéo theo phong trào lớn mạnh và rộng khắp như hiện nay. Ngay cả những thời điểm khó khăn của phong trào như hiện nay, Câu lạc bộ đờn ca tài tử của Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh vẫn sinh hoạt hàng tuần là nhờ sự lèo lái của ông Phạm Lơ. Có thể nói, ông Phạm Lơ đã có những đóng góp không nhỏ trong phong trào đờn ca tài tử ở địa phương.

Một nghệ nhân khác phải kể đến trong phong trào đờn ca tài tử ở Đồng Nai là ông Năm Lợi. Ông tên là Lê Văn Lợi, nhà ở phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa. Nhà ông 4 đời làm nghề nhạc lễ. Ông kể lại là hồi xưa, ông tổ vốn là dân Long An, sau đó chuyển về Biên Hòa hành nghề nhạc lễ. Từ nhỏ, ông đã theo cha chơi nhạc lễ và thành thạo đờn kìm, cò, sến. Sau rảnh rỗi học thêm guitar phím lõm. Ông cũng là một trong số ít những người chơi thành thạo 20 bản tổ và còn nhiều hơn thế ở Đồng Nai. Ngoài ra, ông còn dạy khoảng 30 học trò, trong đó đã có một số người đã ra nghề và chơi tốt.

Có thể nói, ông Năm Lợi hoàn toàn xứng đáng với danh hiệu nghệ nhân dân gian.

3. Thực trạng các câu lạc bộ Đờn ca tài tử Nam Bộ ở Đồng Nai

Tỉnh Đồng Nai là một trong 21 tỉnh thành phía Nam có truyền thống lưu giữ và phát huy loại hình Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ. Trước đây, các hoạt động giao lưu, trình diễn đờn ca tài tử chủ yếu diễn ra ở quy mô nhỏ, mang tính chất giao lưu giữa các nghệ nhân, tài tử lớn tuổi.

Kể từ khi Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, các cơ quan quản lý văn hóa và cộng đồng đã dành nhiều quan tâm hơn đến việc bảo tồn và phát triển loại hình nghệ thuật này. Các câu lạc bộ Đờn ca tài tử hoạt động sôi nổi, tham gia tích cực vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ. Các nghệ nhân và tài tử đã có ý thức hơn trong việc truyền dạy và gìn giữ di sản văn hóa quý báu này.

Đặc điểm của người nắm giữ và thực hành di sản Đờn ca tài tử hiện nay gồm: Người dạy đàn (thầy Đờn) có kỹ thuật đàn giỏi, thông thạo những bài bản cổ, dạy cách chơi nhạc cụ; người đặt lời (thầy Tuồng) nắm giữ tri thức và kinh nghiệm, sáng tạo những bài bản mới; người dạy ca (thầy Ca) thông thạo những bài bản cổ, có kỹ thuật ca điêu luyện, dạy cách ca ngâm, ngân, luyến… người đờn (danh Cầm) là người chơi nhạc cụ và người ca (danh Ca) là người thể hiện các bài bản bằng lời.

Đờn ca tài tử được truyền dạy theo hai hình thức: Truyền ngón, truyền khẩu trực tiếp tại nhà, câu lạc bộ gia đình, dòng họ; truyền ngón, truyền khẩu kết hợp với giáo án, bài giảng tại một số trường văn hóa nghệ thuật địa phương và quốc gia. Người học đờn cần ít nhất 3 năm để học những kỹ năng cơ bản như: Rao, rung, nhấn, khảy, búng, phi, vê, láy… học chơi độc chiếc, tam tấu, tứ tấu, ngũ tấu, lục tấu với các nhạc cụ khác nhau. Người học ca (đơn ca, song ca) học những bài truyền thống, trên cơ sở đó sáng tạo ra cách nhấn nhá, luyến láy tinh tế theo nhạc điệu và lời ca của bài gốc.

Tính đến tháng 02/2025, toàn tỉnh Đồng Nai có 44 câu lạc bộ Đờn ca tài tử với 498 nghệ nhân (năm 2016 có 31 câu lạc bộ với 351 nghệ nhân) cụ thể như sau:

- Thành phố Biên Hòa là địa phương có phong trào đờn ca tài tử phát triển mạnh với 37 nghệ nhân, gồm câu lạc bộ đờn ca tài tử thuộc Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh do ông Phạm Lơ làm Chủ nhiệm có 16 nghệ nhân; câu lạc bộ đờn ca tài tử thành phố có 9 nghệ nhân và câu lạc bộ đờn ca tài tử Thu Ngân phường Tân Vạn có 12 nghệ nhân, là nơi tập trung nhiều tay đàn giỏi như Năm Lợi, Hai Vĩnh, Phạm Văn Vang… trong đó có những nghệ nhân đang trình các cấp xét tặng danh hiệu nghệ nhân ưu tú. Ngoài ra thành phố Biên Hòa là địa phương có 2 câu lạc bộ với 21 nghệ nhân, đây cũng là địa phương, tập trung nhiều nghệ nhân giỏi. Mặt khác, thành phố Biên Hòa còn tổ chức giao lưu thường xuyên với tỉnh Bình Dương, nên các nghệ nhân có thể học hỏi nâng cao trình độ, kỹ năng.

- Huyện Cẩm Mỹ có 4 câu lạc bộ với 56 nghệ nhân, gồm: Câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Bảo Bình (11 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Xuân Quế (16 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Xuân Bảo (7 nghệ nhân) và câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Xuân Mỹ (22 nghệ nhân).

- Huyện Nhơn Trạch là một trong những địa phương có phong trào Đờn ca tài tử phát triển mạnh, có 8 câu lạc bộ với 76 nghệ nhân gồm: Câu lạc bộ Đờn ca tài tử huyện (12 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử thị trấn Hiệp Phước (12 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Long Tân (7 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Long Thọ (5 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Phú Hội (9 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Phú Hữu (12 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Phú Thạnh (7 nghệ nhân) và câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Phước Thiền (12 nghệ nhân).

- Huyện Định Quán có 2 câu lạc bộ với 27 nghệ nhân gồm: Câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Gia Canh (9 nghệ nhân) và Câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Phú Hòa (14 nghệ nhân) - đây cũng là huyện có phong trào Đờn ca tài tử còn yếu.

- Huyện Long Thành cũng là một trong những địa phương có phong trào Đờn ca tài tử phát triển mạnh có 3 câu lạc bộ với 51 nghệ nhân gồm: Câu lạc bộ Đờn ca tài tử thị trấn Long Thành (15 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Bình Sơn (10 nghệ nhân) và câu lạc bộ Đờn ca tài tử Phương Nam (26 nghệ nhân) - đây là câu lạc bộ có số thành viên đông nhất tỉnh và thường xuyên hoạt động, tham gia nhiều hội thi hội diễn đạt giải cao.

- Huyện Tân Phú có 1 câu lạc bộ Đờn ca tài tử huyện với 15 nghệ nhân - đây cũng là huyện có phong trào Đờn ca tài tử còn yếu.

- Huyện Vĩnh Cửu là một trong những địa phương có phong trào Đờn ca tài tử phát triển mạnh và có số lượng câu lạc bộ, số lượng nghệ nhân đông nhất, trải khắp trên địa bàn các xã, thị trấn, với 10 câu lạc bộ, 121 nghệ nhân gồm: Câu lạc bộ Đờn ca tài tử thị trấn Vĩnh An (7 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Bình Lợi (10 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Thiện Tân (9 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Phú Lý (11 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Tân An (20 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Tân Bình (20 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Trị An (12 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Vĩnh Tân (10 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Thạnh Phú (12 nghệ nhân) và câu lạc bộ Đờn ca tài tử Bông Lúa Vàng (10 nghệ nhân).

- Huyện Trảng Bom có 3 câu lạc bộ với 26 nghệ nhân gồm: Câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Trung Hòa (4 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Đồi 61 (14 nghệ nhân) và câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã An Viễn (8 nghệ nhân) - đây cũng là huyện có phong trào Đờn ca tài tử còn yếu.

- Thành phố Long Khánh có 4 câu lạc bộ với 25 nghệ nhân gồm: Câu lạc bộ Đờn ca tài tử thành phố Long Khánh (8 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Bảo Quang (5 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Bình Lộc (7 nghệ nhân) và câu lạc bộ Đờn ca tài tử phường Xuân Tân (5 nghệ nhân) - đây cũng là địa phương có phong trào Đờn ca tài tử còn yếu, số lượng thành viên trong mỗi câu lạc bộ rất ít.

- Huyện Xuân lộc có 5 câu lạc bộ với 57 nghệ nhân gồm: Câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Bảo Hòa (15 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Suối Cát (13 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Xuân Bắc (11 nghệ nhân), câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Xuân Thọ (5 nghệ nhân) và câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Xuân Hòa (13 nghệ nhân).

- Huyện Thống Nhất có 1 câu lạc bộ Đờn ca tài tử xã Hưng Lộc với 7 thành viên - đây cũng là huyện có phong trào Đờn ca tài tử còn yếu.

Hiện nay, chỉ có một số câu lạc bộ mạnh, phần lớn các câu lạc bộ hoạt động gần như "hữu danh vô thực". Có những câu lạc bộ cả năm chỉ một vài lần tổ chức sinh hoạt, hoặc khi nào có dịp cần như các đợt liên hoan hoặc địa cần vài tiết mục văn nghệ cho các dịp lễ tết, hội nghị ở địa phương mới tìm kiếm người để chơi. Điều đó đã dẫn đến một thực trạng là rất nhiều câu lạc bộ chỉ tồn tại trên danh nghĩa, khi cần thì đi thuê. Thậm chí thuê từ nhạc công đến người ca.

Lực lượng nghệ nhân Đờn ca tài tử của tỉnh Đồng Nai có sự phát triển không đồng đều. Trụ cột của phong trào Đờn ca tài tử vẫn là các nghệ nhân Đờn. Nhưng thực tế nghệ nhân Đờn của Đồng Nai chỉ có khoảng 90 người nhưng đàn tốt, có thể chơi hết 20 bản tổ chỉ có 10 người. Số nghệ nhân đàn tốt thật sự quá ít nên nền tảng cho sự phát triển phong trào chưa mạnh. Bên cạnh đó, lực lượng nghệ nhân hát lại khá đông nhưng số nghệ nhân có thể hát tốt, có kỹ thuật lại không nhiều, ca được 20 bản tổ: 8 người… Lực lượng nghệ nhân giỏi tập trung ở các địa phương như: Thành phố Biên Hòa, huyện Nhơn Trạch, huyện Long Thành là chủ yếu, những huyện, thành phố còn lại không được mạnh như thế. Điều này cũng khiến phong trào khó phát triển nếu không có chính sách hợp lý.

Vấn đề nữa là kinh phí hoạt động, như đã trình bày ở trên, nhiều câu lạc bộ chỉ mang tính hình thức nên kinh phí hoạt động cho nó cũng không có. Chúng tôi đã phỏng vấn ông Hai Long, Chủ nhiệm câu lạc bộ đờn ca tài tử xã Hưng Lộc và được ông cho biết khi tham

gia Liên hoan đờn ca tài tử năm 2015, câu lạc bộ của ông được Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện cho 2 triệu đồng. Với số tiền này, câu lạc bộ của ông chỉ đủ trả tiền thuê 4 nhạc công cho một đêm diễn, còn những khoản tiền khác như bồi dưỡng, mua nước uống, thuê xe… đều không có. May sao, câu lạc bộ của ông đoạt giải 2 toàn đoàn và bản thân ông cũng được một giải nên ông chỉ bị thâm lạm vài trăm ngàn tiền túi. Tình trạng phải bỏ tiền túi chơi vì đam mê như ông Nguyễn Kim Long này không biết có thể kéo dài thêm bao lâu vì bản thân ông cũng ngao ngán trước những khó khăn của câu lạc bộ mà không có lối thoát. Vấn đề kinh phí luôn được đặt ra khi chúng tôi phỏng vấn về những khó khăn của các câu lạc bộ. Mang danh là câu lạc bộ Đờn ca tài tử của huyện, trực thuộc Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện nhưng mỗi lần tập dợt, các nghệ nhân phải tự bỏ tiền túi ra mua trà đá uống với nhau, dây đàn có đứt thì cũng tự bỏ tiền túi ra mà thay. Sự khó khăn về kinh phí kéo dài trong nhiều năm và không được sự hỗ trợ nào. Thậm chí, ngay cả câu lạc bộ của Trung tâm Văn hóa tỉnh cũng không thoát khỏi cảnh khó khăn về kinh phí. Đây được xem là 1 câu lạc bộ mang tính nòng cốt của phong trào đờn ca tài tử của tỉnh, nơi tập trung nhiều nghệ nhân giỏi, có tâm huyết với nghề như: Phạm Lơ, Năm Lợi, Hai Vĩnh… được tạo điều kiện sinh hoạt thường xuyên hàng tuần. Tuy vậy, thực trạng hoạt động của câu lạc bộ này cũng không khấm khá hơn các câu lạc bộ khác. Vấn đề này là phổ biến với các câu lạc bộ đờn ca tài tử của Đồng Nai nói riêng và cả Nam Bộ nói chung.

Về đào tạo đội ngũ nghệ nhân kế thừa, hầu hết các câu lạc bộ đều gặp khó khăn về việc đào tạo đội ngũ kế thừa. Để đào tạo được 1 nghệ nhân đờn thành thạo mất rất nhiều thời gian, có khi lên đến cả chục năm. Cho nên vấn đề đào tạo đội ngũ kế thừa đối với nghệ thuật Đờn ca tài tử không thể có kết quả một sớm một chiều mà có khi nhiều năm nữa mới có thể đánh giá được. Hiện nay, về nguyên tắc, các câu lạc bộ đều mở rộng cửa đón nhận người mới tham gia để học tập đờn và hát. Tuy nhiên, thời gian sinh hoạt của các câu lạc bộ không thật sự phù hợp với việc đào tạo bởi 1 tuần sinh hoạt 1 lần và mỗi lần chỉ

vài giờ… thời gian chủ yếu dành cho việc giao lưu là chính. Nếu có dạy thì chủ yếu là dạy ca vì dạy ca dễ hơn rất nhiều và dễ cho thấy kết quả hơn.

Mặt khác, hiện có rất nhiều câu lạc bộ còn yếu, không có nghệ nhân đờn giỏi nên câu lạc bộ không thể làm công tác đào tạo do năng lực hạn chế. Ngoài ra, rất nhiều câu lạc bộ khá kén chọn việc nhận học viên mới bởi nếu học viên không có niềm đam mê thực sự thì khó mà thuyết phục được các nghệ nhân dạy cho. Có thể nói, việc đào tạo đội ngũ kế thừa cho các câu lạc bộ cần phải tìm một giải pháp đồng bộ hơn bởi mô hình hoạt động cũng nhưng của các câu lạc bộ hiện nay chưa thực sự đáp ứng được công tác này.

Những khó khăn về mặt tài chính cũng như khó khăn về con người đặc biệt là nghệ nhân đờn thiếu thốn khiến điều kiện tổ chức các buổi sinh hoạt trở nên khó khăn. Tuy nhiên, vì sự đam mê nên nhiều câu lạc bộ vẫn tổ chức các buổi sinh hoạt thường xuyên. Các câu lạc bộ thường chọn ngày cuối tuần hoặc cuối tháng để tổ chức sinh hoạt, các thành viên được biểu diễn, tập luyện. Các thành viên trong câu lạc bộ xuất thân từ nhiều ngành nghề khác nhau nhưng cùng chung đam mê bộ môn nghệ thuật nên đã tụ họp với nhau để cùng chia sẻ.

Tuy nhiên, không phải câu lạc bộ nào cũng thường xuyên tổ chức sinh hoạt định kỳ mà nhiều khi đến các dịp cần như các kỳ liên hoan thì mới có dịp tập trung tập luyện, xây dựng chương trình để thi thố. Điều này làm phong trào đờn ca tài tử tại địa phương phát triển nặng tính phong trào, hầu như địa phương nào cũng có câu lạc bộ nhưng hoạt động cầm chừng chứ không đi vào chiều sâu và hạn chế rất nhiều sự phát triển về sau. Ngoài các dạng thức sinh hoạt định kỳ của các câu lạc bộ, ở Đồng Nai còn một số quán cà phê, cũng như nhà hàng có sinh hoạt đờn ca tài tử. Khách đến uống cà phê có thể đăng ký lên tham gia hát hò, vui là chính.

Tuy không phải là một trung tâm của Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ nhưng Đồng Nai cũng có những nghệ nhân danh tiếng, có

đóng góp nhiều cho nghệ thuật đờn ca tài tử. Hiện nay, phong trào đờn ca tài tử của Đồng Nai đã có sự phát triển bề nổi là rất đáng kể nhưng thực sự vẫn còn nhiều tồn tại nhiều vấn đề gây cản trở sự phát triển của phong trào như sự phát triển không đồng đều giữa các địa phương, lực lượng nghệ nhân giỏi không nhiều, sự quan tâm của các cấp chính quyền không thực sự cũng như mong muốn cho nên các câu lạc bộ cũng ít được quan tâm đầu tư một cách bài bản. Đó là những vấn đề đặt ra cho việc hoạch định các chính sách phát triển Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ của tỉnh nhà.

4. Bảo tồn và phát huy giá trị Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ ở tỉnh Đồng Nai

Trong thời đại hội nhập ngày nay, con người trên toàn thế giới dường như đang ngày càng gần lại nhau với những khuynh hướng văn hóa đại đồng, phổ biến. Những giá trị văn hóa của ngày hôm nay dường như không còn có sự phân biệt, xa lạ với cộng đồng cư dân toàn cầu, nhưng cũng chính vì thế mà việc giữ gìn những giá trị văn hóa mang đậm dấu ấn, bản sắc riêng biệt của mỗi quốc gia lại được đề cao và coi trọng hơn bao giờ hết.

Khái niệm "bảo tồn và phát huy" đã được sử dụng trong nhiều công trình nghiên cứu và các văn kiện, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Nghị quyết Trung ương V (khóa VIII) ngày 16/7/1998 về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, cũng đã xác định rằng: *"Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa. Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể"*[1].

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 54-79.

Âm nhạc truyền thống nói chung, đờn ca tài tử nói riêng là một bộ phận của văn hóa truyền thống Việt Nam. Việc bảo tồn và phát huy âm nhạc truyền thống là một trong những nhiệm vụ để góp phần gìn giữ bản sắc dân tộc. Bảo tồn đờn ca tài tử là sự nỗ lực giữ lại những giá trị tinh hoa của bộ môn nghệ thuật này nhằm không để bị mai một. Bảo tồn luôn luôn đi đôi với việc phát huy. Bởi vì, phát huy được hiểu là hành động đưa đối tượng vào cuộc sống, góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội. Do vậy, nếu coi đờn ca tài tử như một đối tượng chỉ để bảo tồn, hoàn toàn cách biệt thế giới bên ngoài, đóng khung trong những viện bảo tàng, thì mục tiêu của việc bảo tồn này sẽ không mang lại những lợi ích cho cuộc sống tinh thần của con người trong xã hội ngày nay.

Tuy nhiên, cần phải có chiến lược, chính sách để bảo tồn và phát huy một cách có hiệu quả. Cần xác định rõ những giá trị tinh hoa cần phải bảo tồn một cách nguyên vẹn và những giá trị nào có thể phát huy và phát triển cho phù hợp xu thế hiện đại. Sao cho việc bảo tồn không cản trở sự phát huy những giá trị nội tại của chúng và ngược lại, sự phát huy dẫn đến phát triển cũng không làm biến dạng những tinh hoa vốn có trong bộ môn nghệ thuật độc đáo này.

Thông thường, với phương cách bảo tồn âm nhạc truyền thống nói chung, đờn ca tài tử nói riêng, người ta thường chọn cách bảo tồn "tĩnh" là bảo tồn nguyên xi, giữ lại nguyên vẹn đờn ca tài tử bằng nhiều cách khác nhau. Theo phương cách bảo tồn tĩnh, thì đờn ca tài tử phải được mau chóng lưu giữ một cách nguyên dạng trong môi trường văn hóa tinh thần của người dân phương Nam bằng cách lưu trữ qua các ấn phẩm băng, hình, tiếng, sách vở... và phải được truyền dạy đúng theo cách thức ngày xưa với những chữ hò, xự, xang cổ điển, với cách dạy truyền khẩu thầy và trò; cách làm này nhằm tạo ra một lớp người kế thừa có thể giữ lại đúng nguyên bản những cách thức của đờn ca tài tử như buổi đầu hình thành của bộ môn này.

Bên cạnh việc bảo tồn tĩnh, chúng ta còn có thể bảo tồn "động", nghĩa là bảo tồn trong sự phát triển nội tại của chúng.